

Số: 11 /2020/NQ-HĐND

An Giang, ngày 10 tháng 7 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

Quy định nội dung, mức chi cho công tác hỗ trợ nạn nhân và chế độ hỗ trợ nạn nhân của tội phạm mua bán người trên địa bàn tỉnh An Giang

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 15**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phòng, chống mua bán người ngày 29 tháng 3 năm 2011;

Căn cứ Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống mua bán người;

Căn cứ Thông tư số 84/2019/TT-BTC ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định nội dung, mức chi cho công tác hỗ trợ nạn nhân và nội dung, mức chi chế độ hỗ trợ nạn nhân quy định tại Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống mua bán người;

Xét Tờ trình số 380/TTr-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định nội dung, mức chi cho công tác hỗ trợ nạn nhân và chế độ hỗ trợ nạn nhân của tội phạm mua bán người trên địa bàn tỉnh An Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - xã hội; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định nội dung, mức chi cho công tác hỗ trợ nạn nhân và chế độ hỗ trợ nạn nhân của tội phạm mua bán người trên địa bàn tỉnh An Giang, như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh:

a) Nghị quyết này quy định nội dung, mức chi cho công tác hỗ trợ nạn nhân và chế độ hỗ trợ nạn nhân của tội phạm mua bán người trên địa bàn tỉnh An Giang từ nguồn dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước hàng năm của các cơ quan, đơn vị theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật.

b) Trường hợp sử dụng nguồn hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật cho công tác hỗ trợ

nạn nhân, chế độ hỗ trợ nạn nhân thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và theo yêu cầu nguyện vọng chính đáng của nhà tài trợ; trường hợp nhà tài trợ hoặc đại diện có thẩm quyền của nhà tài trợ và cơ quan có thẩm quyền tại địa phương tiếp nhận nguồn hỗ trợ chưa có thỏa thuận về mức chi thì áp dụng theo mức chi quy định tại Nghị quyết này.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Nạn nhân là công dân Việt Nam, người không quốc tịch thường trú ở Việt Nam, người nước ngoài của tội phạm mua bán người tại Việt Nam.

b) Người trong thời gian chờ xác minh là nạn nhân theo quy định tại Điều 24, 25 Luật Phòng, chống mua bán người.

c) Người chưa thành niên đi cùng nạn nhân.

d) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ nạn nhân và chế độ hỗ trợ nạn nhân.

3. Nội dung và mức chi cho công tác hỗ trợ nạn nhân:

a) Chi công tác phí cho cán bộ phục vụ hoạt động xác minh, tiếp nhận, giải cứu, bảo vệ và vận chuyển nạn nhân; tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn nghiệp vụ; kiểm tra công tác hỗ trợ nạn nhân: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 27/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh An Giang.

b) Chi hỗ trợ người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước trực tiếp tham gia quản lý, bảo vệ nạn nhân: Mức chi 200.000 đồng/người/ngày.

4. Nội dung và mức chi chế độ hỗ trợ trực tiếp cho nạn nhân:

a) Chi hỗ trợ nhu cầu thiết yếu và chi phí đi lại:

- Hỗ trợ tiền ăn trong thời gian nạn nhân tạm trú tại cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở hỗ trợ nạn nhân (sau đây gọi tắt là cơ sở) với mức 40.000 đồng/người/ngày, thời gian hỗ trợ không quá 03 tháng.

- Hỗ trợ quần áo, vật dụng sinh hoạt cá nhân cần thiết cho nạn nhân trong thời gian lưu trú tại cơ sở: 400.000 đồng/người.

- Chi tiền ăn trong những ngày đi đường cho nạn nhân có nguyện vọng trở về nơi cư trú: 70.000 đồng/người/ngày, tối đa hỗ trợ không quá 05 ngày.

b) Chi hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu:

- Chi hỗ trợ học văn hóa, học nghề:

+ Nạn nhân được miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo quy định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021, Nghị định số 145/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định cụ thể hàng năm.

+ Trường hợp nạn nhân học nghề trình độ sơ cấp và dưới 03 tháng được hỗ trợ một lần chi phí học nghề: Mức hỗ trợ áp dụng bằng với mức hỗ trợ dành cho lao động

nữ bị mất việc làm theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 7 Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính là: 03 triệu đồng/người/khóa học.

- Chi hỗ trợ một lần tiền trợ cấp khó khăn ban đầu đối với nạn nhân thuộc hộ nghèo khi trở về nơi cư trú: Mức hỗ trợ là 1.500.000 đồng/người (hộ nghèo được hỗ trợ là hộ nghèo theo tiêu chí thu nhập).

5. Kinh phí thực hiện:

Kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách địa phương, theo khả năng cân đối ngân sách được bố trí trong dự toán hằng năm của các cơ quan, đơn vị có liên quan theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành trên cơ sở lồng ghép với các chương trình, dự án, nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân và nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Điều 1 Nghị quyết này. Những nội dung liên quan khác không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 84/2019/TT-BTC. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Thông tư số 84/2019/TT-BTC và Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang khóa IX, kỳ họp thứ 15 thông qua ngày 10 tháng 7 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 20 tháng 7 năm 2020. /

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam;
- Ban Công tác đại biểu - UBTWQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Vụ Công tác Quốc hội, Địa phương và Đoàn thể - VPCP;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực IX;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, Ban Thường trực Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Cơ quan thường trú TTXVN tại An Giang, Báo Nhân dân tại An Giang, Truyền hình Quốc hội tại tỉnh Kiên Giang;
- Báo An Giang, Đài Phát thanh - Truyền hình An Giang;
- Website tỉnh, Trung tâm Công báo tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử Văn phòng HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng Tổng hợp-P.



CHỦ TỊCH

Võ Anh Kiệt